

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ CÁT
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Bản án số: 35/2019/HS-ST.
Ngày: 08/10/2019**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đình Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tô Đình Phương.
2. Bà Nguyễn Thị Dung.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tham gia phiên tòa: Ông Lê Hảo Quang – Kiểm sát viên.



Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 34/2019/TLST-HS, ngày 15 tháng 8 năm 2019; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lương Ngọc S**; sinh ngày: 25/10/1998, tại: Bình Định; Nơi cư trú: Khu A-H-T, thị trấn Ng-M, huyện Ph-C, tỉnh B-Đ; Nghề nghiệp: Sinh viên; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương Kim L – sinh năm: 1971 và bà Huỳnh Thị Thư S – sinh năm: 1972; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/5/2019 cho đến nay. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh **Nguyễn Ngọc S1**; sinh năm: 1998 (*có mặt*)
Địa chỉ: Thôn T-L, xã C-T, huyện Ph-C, tỉnh B-Đ.

2. Anh **Nguyễn Văn H**; sinh năm: 1988 (*vắng mặt*)
Địa chỉ: Thôn Ph-K, xã C-Tr, huyện Ph-C, tỉnh B-Đ.

3. Chị **Nguyễn Thị Kim Ng**; sinh ngày: 21/9/2003 (*vắng mặt*)
Địa chỉ: Khu A-K, thị trấn N-M, Ph-C, B-Đ.

** Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Thị Kim Ngân:* Bà **Trần Thị Kim**

Th; sinh năm: 1971; Địa chỉ : Khu A-K, thị trấn N-M, Ph-C, B-Đ - Là mẹ ruột của Nguyễn Thị Kim Ng (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2018 đến tháng 5/2019, lợi dụng việc một số người dân trên địa bàn huyện Phù Cát có nhu cầu vay tiền, Lương Ngọc S đã 07 lần cho vay với tổng số tiền 49.000.000 đồng, mức lãi suất 15.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày (tức 1,5%/ngày), tương đương tỷ lệ lãi suất 547.5%/năm, vượt quá 27,375 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ việc cho vay với tổng số tiền 43.383.000 đồng. Cụ thể:

✧ Đối với Nguyễn Ngọc S1; sinh năm 1998 ở thôn T-L, xã C-T, huyện Ph-C, tỉnh B-Đ, Lương Ngọc S cho vay 04 lần:

+ *Lần thứ nhất:* Tháng 3/2018, Nguyễn Ngọc S1 liên lạc với Lương Ngọc S hỏi vay 7.000.000 đồng thì S hẹn gặp tại công viên Ng-M ở thị trấn Ng-M, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Tại đây, S đồng ý cho vay với lãi suất 15.000 đồng/ 1.000.000 đồng tiền vay/ngày; do cần tiền nên S1 đồng ý vay và ký vào giấy mượn tiền theo mẫu do S in sẵn rồi điền các thông tin vào mẫu. Đến tháng 7/2018, S1 đã nhiều lần trả tiền lãi cho S với số tiền lãi là 12.600.000 đồng và trả tiền gốc 7.000.000 đồng. Lần cuối cùng S1 trả lãi và gốc cho S là tại quán nước trước bưu điện văn hóa xã C-T, huyện Phù Cát và đi cùng với mẹ là bà Bùi Thị X. Sau khi trả đủ tiền, S1 nhận lại giấy vay tiền từ S rồi vứt bỏ ở đâu không rõ. Khoản cho vay này S thu lợi bất chính 12.140.000 đồng.

+ *Lần thứ hai:* Tháng 9/2018, do cần tiền nên Nguyễn Ngọc S1 tiếp tục liên lạc với Lương Ngọc S hỏi vay 8.000.000 đồng thì S hẹn S1 ra công viên Ng-M và đồng ý cho vay với mức lãi suất và thủ tục vay như lần thứ nhất. Đến cuối tháng 1/2019, S1 đã nhiều lần trả tiền lãi cho S với tổng số tiền lãi là 14.880.000 đồng và trả tiền gốc 8.000.000 đồng. Lần cuối cùng S1 trả lãi và gốc cho S là tại quán nước trước trường Cao đẳng Bình Định và đi cùng với em họ là Trần Văn T (1988) ở T-H, C-T, Phù Cát. Sau khi trả đủ tiền, S1 nhận lại giấy vay tiền từ S rồi vứt bỏ ở đâu không rõ. Khoản cho vay này S thu lợi bất chính 14.336.000 đồng.

+ *Lần thứ ba:* Ngày 17/3/2019, Nguyễn Ngọc S1 hỏi vay Lương Ngọc S 5.000.000 đồng thì S đồng ý cho vay với mức lãi suất và thủ tục vay như những lần trước. Đến ngày 27/4/2019, S1 đã nhiều lần trả tiền lãi cho S với tổng số tiền lãi là 3.000.000 đồng, riêng tiền gốc 5.000.000 đồng S1 chưa trả. Khoản cho vay này S thu lợi bất chính 2.890.000 đồng.

+ *Lần thứ tư:* Ngày 29/3/2019, Nguyễn Ngọc S1 hỏi vay Lương Ngọc S 7.000.000 đồng thì S đồng ý cho vay với mức lãi suất và thủ tục vay như những lần trước. Đến ngày 29/4/2019, S1 đã nhiều lần trả tiền lãi cho S ở khoản vay

này với tổng số tiền lãi là 3.150.000 đồng, riêng tiền gốc 7.000.000 đồng S1 chưa trả. Khoản cho vay này S thu lợi bất chính 3.035.000 đồng.

Ngày 10/5/2019, Nguyễn Ngọc S1 đã trả 4.600.000 đồng tiền gốc đối với hai khoản vay chưa trả, hiện S1 còn nợ S 7.400.000 đồng tiền gốc.

✧ Đối với Nguyễn Thị Kim Ng; sinh năm 2003 ở khu A-T, TT. Ng M, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, Lương Ngọc S cho vay 02 lần:

+ *Lần thứ nhất*: Ngày 16/3/2019, Nguyễn Thị Kim Ng liên lạc với Lương Ngọc S hỏi vay 3.000.000 đồng thì S hẹn gặp tại công viên Ng-M. Tại đây, S đồng ý cho vay với mức lãi suất 15.000 đồng/ 1.000.000 đồng tiền vay/ngày, cứ 10 ngày đóng tiền lãi một lần. Do cần tiền nên Ng đồng ý vay và ký vào giấy mượn tiền theo mẫu do S soạn sẵn. Tuy nhiên Ng phải đóng tiền lãi trước 10 ngày, tương ứng với 450.000 đồng nên chỉ được nhận 2.550.000 đồng. Tính đến ngày 05/5/2019, Ng đã nhiều lần trả tiền lãi cho S với tổng số tiền lãi là 2.250.000 đồng, riêng tiền gốc 3.000.000 đồng Ng chưa trả. Khoản cho vay này S thu lợi bất chính 2.167.000 đồng.

+ *Lần thứ hai*: Ngày 29/3/2019, do cần tiền nên Nguyễn Thị Kim Ng tiếp tục hỏi vay S 4.000.000 đồng thì S hẹn gặp tại công viên Ng-M và đồng ý cho vay với mức lãi suất và thủ tục vay như lần trước. Ng phải đóng tiền lãi trước 10 ngày tương ứng với 600.000 đồng nên chỉ được nhận 3.400.000 đồng. Tính đến ngày 05/5/2019, Ng đã nhiều lần trả tiền lãi cho S với tổng số tiền lãi khoản vay này là 2.400.000 đồng, riêng tiền gốc 4.000.000 đồng Ng chưa trả. Khoản cho vay này S thu lợi bất chính 2.312.000 đồng.

Ngày 02/6/2019, Nguyễn Thị Kim Ng đã trả cho Lương Ngọc S 2.000.000 đồng tiền gốc, hiện Ng còn nợ S 5.000.000 đồng tiền gốc.

✧ Đối với Nguyễn Văn H ; sinh năm 1988 ở thôn P-K, C-Tr, Ph-C, Lương Ngọc S cho vay 01 lần. Cụ thể: Ngày 05/4/2019, Nguyễn Văn H liên lạc với Lương Ngọc S hỏi vay 15.000.000 đồng thì S hẹn gặp tại đường bê tông thuộc khu A-H, TT. Ng-M, Phù Cát và đồng ý cho vay với mức lãi suất 15.000 đồng/ 1.000.000 đồng tiền vay/ngày, cứ 10 ngày đóng tiền lãi một lần. Do cần tiền nên H đồng ý vay và ký vào giấy mượn tiền theo mẫu do S soạn sẵn. Đến ngày 07/5/2019, H đã 03 lần trả tiền lãi cho S với tổng số tiền lãi là 6.750.000 đồng, khoản cho vay này S thu lợi bất chính 6.503.000 đồng. Ngày 01/6/2019, H đã trả đủ 15.000.000 đồng tiền gốc cho S.

✧ Vật chứng tạm giữ:

+ 01 quyển sổ bằng giấy kích thước (15x21x2)cm có ghi dòng chữ “Lương Ngọc S 1998 0397456965”, bên trong sổ có nhiều mẫu giấy mượn tiền soạn sẵn bằng chữ đánh máy, trong đó có 05 tờ giấy mượn tiền đã viết và ký tên (có xác nhận của Lương Ngọc S);

+ Số tiền 4.600.000 đồng.

✧ Phần dân sự: Nguyễn Ngọc S1, Nguyễn Thị Kim Ng, Nguyễn Văn H yêu cầu bị cáo Lương Ngọc S phải hoàn trả tiền thu lãi bất chính vượt quá quy định mức lãi suất 20%/năm. Bị cáo chấp nhận trả số tiền lãi bị xem là thu lợi bất chính cho anh S1, chị Ng và anh H sau khi được đối trừ vào số tiền gốc hiện nay anh S1 còn nợ bị cáo 7.400.000 đồng, chị Ng còn nợ bị cáo 5.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 32/CT-VKSPC, ngày 23.8.2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát đã truy tố bị cáo Lương Ngọc S về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lương Ngọc S về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Khoản 1 Điều 201 BLHS; Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 201, Điểm s Khoản 1 Điều 51 của BLHS xử phạt bị cáo với mức án từ 09 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập.

- Về nghĩa vụ dân sự: Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ trả lại tiền thu lãi bất chính cho Nguyễn Thị Kim Ng 4.479.000 đồng; trả lại cho Nguyễn Ngọc S1 32.401.000 đồng và trả lại cho anh Nguyễn Văn H 6.503.000 đồng.

- Xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX tuyên tịch thu số tiền gốc cho vay và tiền lãi đã thu trong giới hạn 20%/năm tổng cộng là 38.247.000 đồng, buộc bị cáo phải nộp lại số tiền này để sung ngân sách Nhà nước; Buộc anh Nguyễn Ngọc S1 phải nộp 7.400.000 đồng, chị Ng phải nộp 5.000.000 đồng tiền gốc hiện còn nợ của bị cáo để sung ngân sách Nhà nước.

Trong phần tự bào chữa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, nhưng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng:

[1.1]. Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS). Quá trình điều tra, truy tố bị cáo Lương Ngọc S và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì đối với cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của những người tiến hành tố tụng khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Do đó, HĐXX có đủ căn cứ để xác định, ở các giai đoạn tố tụng này, hành vi của những

người tiến hành tố tụng và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2]. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Kim Ng, người đại diện hợp pháp của chị Ng là bà Trần Thị Kim Th đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh H, bà Th, chị Ng đều yêu cầu Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt họ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án nhân dân huyện Phù Cát tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Lương Ngọc S đã khai nhận toàn bộ diễn biến của vụ án và hành vi của bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kim Ng, Nguyễn Ngọc S1, Nguyễn Văn H; lời khai của những người làm chứng Bùi Thị X, Trần Văn T và các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Phù Cát có đủ cơ sở để kết luận:

Là người có trình độ học vấn và có khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của mình, nhưng lợi dụng nhu cầu cấp bách của một số người cần vay tiền, từ tháng 3 năm 2018 đến tháng 5/2019, bị cáo Lương Ngọc S đã liên tục cho Nguyễn Ngọc S1, Nguyễn Thị Kim Ng và Nguyễn Văn H (có địa chỉ nêu trên) vay tiền với mức lãi suất cao để thu lời bất chính. Theo đó, bị cáo đã cho Nguyễn Ngọc S1 vay 4 lần tiền tổng cộng là 27.000.000 đồng; cho Nguyễn Thị Kim Ng vay 02 lần tổng cộng là 7.000.000 đồng; cho Nguyễn Văn H vay 01 lần là 15.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc bị cáo cho những cá nhân nêu trên vay là 49.000.000 đồng cùng với mức lãi suất như nhau là: 15.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tức 1,5%/ngày), tương ứng tỉ lệ lãi suất 547,5%/ năm; Lương Ngọc S đã thu tiền lãi của anh S1, chị Ng và anh H tổng cộng 45.030,000 đồng, vượt quá 27,375 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự (BLDS). Cụ thể:

** Đối với các khoản vay của Nguyễn Ngọc S1:*

- Tháng 3/2018, bị cáo cho Nguyễn Ngọc S1 vay 7.000.000 đồng với mức lãi suất 15.000đ/1.000.000đ/ngày nên mỗi ngày S1 phải trả tiền lãi là 85.000 đồng. Như vậy bị cáo đã thu lãi của S1 120 ngày (12.600.000 đồng : 85.000đồng/ngày). Theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 của BLDS thì mức lãi suất cao nhất mà anh S1 phải trả cho bị cáo là: $[7.000.000 \text{ đồng} \times (20\% : 100\%) : 365 \text{ ngày}] \times 120 \text{ ngày} = 460.274 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền bị cáo đã thu lời bất chính được xác định là 12.139.726 đồng (12.600.000 đồng – 460.274 đồng).

- Tháng 9/2018, bị cáo cho Nguyễn Ngọc S1 vay 8.000.000 đồng với mức lãi suất 15.000đ/1.000.000đ/ngày nên mỗi ngày S1 phải trả tiền lãi là 120.000 đồng. Như vậy bị cáo đã thu lãi của S1 124 ngày (14.880.000 đồng : 120.000

đồng/ngày). Theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 của BLDS thì mức lãi suất cao nhất S1 phải trả cho bị cáo là: $[8.000.000 \text{ đồng} \times (20\% : 100\%) : 365 \text{ ngày}] \times 124 \text{ ngày} = 543.561 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền bị cáo đã thu lời bất chính được xác định là 14.336.439 đồng (14.880.000 đồng – 543.561 đồng).

- Ngày 17/3/2019, bị cáo cho Nguyễn Ngọc S1 vay 5.000.000 đồng với mức lãi suất như lần trước. Tính đến ngày 27/4/2019 bị cáo đã thu lãi của S1 tổng cộng 3.000.000 đồng. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 của BLDS thì mức lãi suất cao nhất S1 phải trả cho bị cáo là: $5.000.000 \text{ đồng} \times (20\% : 356 \text{ ngày}) \times 40 \text{ ngày} = 109.589 \text{ đồng}$. Như vậy, bị cáo đã thu lời bất chính với khoản vay này là 2.890.411 đồng (3.000.000 đồng - 109.589 đồng).

- Ngày 29/3/2019, bị cáo cho Nguyễn Ngọc S1 vay 7.000.000 đồng với mức lãi suất như lần trước. Tính đến ngày 29/4/2019 bị cáo đã thu lãi của S1 tổng cộng 3.150.000 đồng. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 của BLDS thì mức lãi suất cao nhất S1 phải trả cho bị cáo là: $7.000.000 \text{ đồng} \times (20\% : 356 \text{ ngày}) \times 30 \text{ ngày} = 115.068 \text{ đồng}$. Như vậy, bị cáo đã thu lời bất chính với khoản vay này là 3.034.932 đồng (3.150.000 đồng - 115.068 đồng).

Tổng số tiền bị cáo thu lời bất chính của Nguyễn Ngọc S1 là: 32.401.508 đồng.

** Đối với các khoản vay của Nguyễn Thị Kim Ng:*

- Ngày 16/3/2019, bị cáo cho Nguyễn Thị Kim Ng vay 3.000.000 đồng với mức lãi suất 15.000đồng/.1000.000đ/ngày tính đến ngày 05/5/2019 bị cáo đã thu tiền lãi của Ng 2.250.000 đồng. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 của BLDS thì mức lãi suất cao nhất Ng phải trả cho bị cáo là: $3.000.000 \text{ đồng} \times (20\% : 356 \text{ ngày}) \times 50 \text{ ngày} = 82.192 \text{ đồng}$. Như vậy, bị cáo đã thu lời bất chính với khoản vay này là 2.167.808 đồng (2.250.000 đồng - 82.192 đồng).

- Ngày 29/3/2019, bị cáo tiếp tục cho Nguyễn Thị Kim Ng vay 4.000.000 đồng với mức lãi suất như lần trước. Tính đến ngày 05/5/2019 bị cáo đã thu tiền lãi của Ng 2.400.000 đồng. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 của BLDS thì mức lãi suất cao nhất Ng phải trả cho bị cáo là: $4.000.000 \text{ đồng} \times (20\% : 356 \text{ ngày}) \times 37 \text{ ngày} = 81.069 \text{ đồng}$. Như vậy, bị cáo đã thu lời bất chính với khoản vay này là 2.318.931 đồng (2.400.000 đồng - 81.069 đồng).

Tổng số tiền bị cáo Lương Ngọc S thu lời bất chính của Nguyễn Thị Kim Ng là: 4.486.739 đồng.

** Đối với khoản vay của Nguyễn Văn H:*

Ngày 05/4/2019, bị cáo cho Nguyễn Văn H vay 15.000.000 đồng với mức lãi suất 15.000đồng/1000.000đ/ngày. Tính đến ngày 07/5/2019 bị cáo đã thu tiền lãi của H tổng cộng là 6.750.000 đồng. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 của BLDS thì mức lãi suất cao nhất H phải trả cho bị cáo là: $15.000.000 \text{ đồng} \times (20\% : 356 \text{ ngày}) \times 33 \text{ ngày} = 271.233 \text{ đồng}$. Bị cáo đã thu lời bất chính của Nguyễn Văn H là 6.478.767 đồng (6.750.000 đồng – 271.233 đồng).

Như vậy, tổng số tiền lãi bị cáo thu lời bất chính từ việc cho anh Nguyễn Ngọc S1, chị Nguyễn Thị Kim Ng và anh Nguyễn Văn H vay từ tháng 3/2018 đến tháng 5/2019 là 43.367.014 đồng.

Hành vi nêu trên của Lương Ngọc S đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*", tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cáo trạng số 32/CT-VKSPC, ngày 23/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định đã truy tố bị cáo Lương Ngọc S với tội danh, khung hình phạt nêu trên là đúng người, đúng tội, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, gây ảnh hưởng xấu đến chế độ quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực tín dụng, kinh doanh tiền tệ. Mặc dù việc cho vay giữa cá nhân với nhau trong cộng đồng xã hội, nhằm giúp đỡ nhau về vốn để phát triển kinh tế là quan hệ dân sự được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên, hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo mang tính chất bóc lột, xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của người khác với động cơ vụ lợi cá nhân, nhằm mục đích thu lời bất chính. Hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp nên HĐXX xét cần phải xử lý nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với chính bị cáo, đồng thời góp phần ngăn ngừa loại tội phạm này hiện đang có chiều hướng phát triển và diễn biến phức tạp trong đời sống xã hội.

[4]. Xét đặc điểm nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng: Bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội không có tình tiết tăng nặng; trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều thể hiện thái độ thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của BLHS để HĐXX áp dụng khi lượng hình, quyết định hình phạt có lý, có tình nhằm tạo điều kiện cho bị cáo an tâm cải tạo tốt trong quá trình chấp hành án.

[5]. Về nghĩa vụ dân sự và các biện pháp tư pháp khác:

[5.1]. Về nghĩa vụ dân sự: Theo quy định tại Đoạn 2 Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn 20%/năm thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Do đó, HĐXX xét buộc bị cáo phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Nguyễn Ngọc S1 32.401.508 đồng, trả cho chị Nguyễn Thị Kim Ng 4.486.739 đồng và trả cho anh Nguyễn Văn H 6.478.767 đồng. Đây là số tiền lãi bị cáo đã thu vượt quá giới hạn mức lãi suất nêu trên và bị coi là thu lợi bất chính trong giao dịch dân sự.

[5.2]. Về xử lý vật chứng: Số tiền gốc 49.000.000 đồng bị cáo S cho anh S1, chị Ng và anh H vay được xác định là phương tiện phạm tội; số tiền lãi bị cáo đã nhận của anh S1, chị Ng và anh H trong phạm vi 20%/năm, cụ thể: nhận của anh S1 1.228.492 đồng (460.274đ + 543.561 + 109.589đ + 115.068đ), nhận của chị Ng 163.261 đồng (82.192đ + 81.069đ) và nhận của anh H 271.233 đồng là khoản tiền lãi phát sinh từ hành vi tội phạm nên xét tịch thu sung công là phù

hợp với quy định với Khoản 1 Điều 47 của BLHS, Khoản 2 Điều 106 của BLTTHS. Tuy nhiên, hiện nay chị Ng chưa trả cho bị cáo 5.000.000 đồng tiền gốc, anh S1 chưa trả cho bị cáo 7.400.000 đồng tiền gốc nên buộc chị Ng và anh S1 phải nộp lại số tiền gốc nêu trên để tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Như vậy, số tiền gốc còn lại buộc bị cáo S phải nộp sung công là 36.600.000 đồng và 2.130.425 đồng (1.695.931 đồng + 163.261 đồng + 271.233 đồng) tiền lãi phát sinh từ hành vi phạm tội trong phạm vi 20%/năm. Tổng cộng, buộc bị cáo Lương Ngọc S phải nộp 38.262.986 đồng (36.600.000 đồng + 1.662.986 đồng) sung ngân sách Nhà nước, được khấu trừ 4.600.000 đồng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án hình sự huyện Phù Cát (*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/8/2019*) nên buộc bị cáo S phải nộp số tiền còn lại là 33.662.986 đồng.

[6]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLTTHS - 2015, Điều 23, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV, bị cáo Lương Ngọc S phải chịu án phí HSST và án phí DSST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố: Bị cáo Lương Ngọc S phạm tội: “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

[2]. Áp dụng: Khoản 1 Điều 201, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

[3]. Xử phạt: Bị cáo Lương Ngọc S **12 (Mười hai)** tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn N-M, huyện P-C, tỉnh B-Đ giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn Ng-M, huyện Ph-C nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

[4]. Về nghĩa vụ dân sự và các biện pháp tư pháp khác:

[4.1]. Về nghĩa vụ dân sự: Áp dụng Điều 463, Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Lương Ngọc S phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Nguyễn Ngọc S1 32.401.508 đồng (*Ba mươi hai triệu bốn trăm lẻ một nghìn năm trăm lẻ tám đồng*), trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim Ng 4.486.739 đồng (*Bốn triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng*) và trả lại cho anh Nguyễn Văn H 6.478.767 đồng (*Sáu triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng*) tiền lãi thu lợi bất chính vượt mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[4.2]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 1 Điều 47 của BLHS, Khoản 2 Điều 106 của BLTTHS.

- Buộc bị cáo Lương Ngọc S phải nộp 38.262.986 đồng sung ngân sách Nhà nước, được khấu trừ 4.600.000 đồng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án hình sự huyện Phù Cát (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/8/2019) nên buộc bị cáo S phải nộp số tiền còn lại là 33.662.986 đồng (*Ba mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm tám sáu đồng*).

- Buộc anh Nguyễn Ngọc S1 phải nộp 7.400.000 đồng (*Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng*), chị Nguyễn Thị Kim Ng phải nộp 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng chẵn*) tiền gốc hiện chưa trả cho bị cáo bị cáo Lương Ngọc S để sung ngân sách Nhà nước.

[4.3] Quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự:

- Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Lương Ngọc S không thi hành hoặc thi hành chưa đầy đủ số tiền trên thì bị cáo S còn phải trả tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS - 2015, Điều 23, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV.

Buộc bị cáo Lương Ngọc S phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 2.168.000 đồng $[(32.401.508 \text{ đồng} + 4.486.739 \text{ đồng} + 6.478.767 \text{ đồng}) \times 5\%]$ án phí DSST.

[6]. Quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án. Riêng các đương sự, người đại diện hợp pháp của các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Phù Cát (02b);
- CA huyện Phù Cát (02b);
- Chi cục THADS huyện Phù Cát;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đình Quyền

